

B NG T NG K TK TQU H CT PN MH C 2012-2013 - L NCU I

(L y k t qu Ei m thi l n cu i)

L p h c: N35CKT1

Ng@nh: K to`n DN (CDN)

B c: Cao E ng ngh

STT	Mí S	H Vĩ T c N	ñ M TBC	XLHT	ñ M RC N LUY N	S MBN < 5	K LU T	Xe T THEO QUY CH	Qñ C AH I ã NG	Anh vñ chuy`n ng@nh	K to`n doanh nghi p (2)	K to`n doanh nghi p (1)	Kinh t vĩ nm»	Kinh t vĩ nm»	L p v@ph`n tch d`n	Lĩ thuy t i n t i n d ng	Qu n t`r doanh nghi p	Qu n t`r h c	T@ch nh doanh nghi p	Th t`r ng ch ng hóc n	Th ng k`r doanh nghi p	Thu	Th c hñh k to`n c b n
										4	9	10	4	3	4	3	4	3	8	3	4	4	3
1	3552010201	L² Th Tuy t Anh	0.00	Kém	40					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
2	3552010130	VÑ Li²n Chi	5.00	TB	73					6.0	6.5	4.6	6.4	5.0	5.7	5.4	6.3	3.8	2.3	5.4	5.5	4.2	4.0
3	3552010110	Ho@ng Th L Di m	6.24	TB khá	73					6.3	6.9	5.0	7.3	5.4	5.1	5.8	9.0	6.7	6.5	6.6	6.6	4.8	6.0
4	3552010261	Lê Thanh Duy	0.00	Kém	40					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
5	3552010225	Nguy n Ph m H ng ã	2.81	Kém	53					5.4	0.0	3.7	7.0	0.0	0.0	2.8	2.0	2.8	4.5	5.7	0.0	0.0	7.0
6	3552010078	L u Th Giang	7.24	Khá	88					6.1	7.3	6.5	7.0	6.3	8.6	8.8	8.0	7.8	7.7	7.6	7.8	5.8	7.0
7	3552010081	Ho@ng Th Thu Hà	0.00	Kém	40					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
8	3552010219	Nguy n Th Hi n	0.00	Kém	40					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
9	3552010076	Tr nh Th Hi u	5.60	TB	70					5.3	6.3	4.5	7.1	5.7	5.3	5.8	6.6	6.0	4.5	5.6	6.3	4.8	7.0
10	3552010195	Nguy n Ho@ng Huy	0.00	Kém	40					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
11	3552010106	L² Nguy n Thanh H ng	0.00	Kém	40					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
12	3552010149	Nguy n Th Thuĩ Ki u	6.20	TB khá	70					6.7	6.4	4.9	7.4	6.1	7.0	7.6	7.1	6.2	5.6	5.4	6.8	6.0	6.0
13	3552010112	Ph m Th Th½y Ki u	4.02	Y u	68					5.1	0.0	4.5	6.4	4.1	3.3	5.8	3.9	6.1	3.9	5.2	4.3	3.2	7.0
14	3552010049	T Th Liêm	0.00	Kém	40					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
15	3552010011	L² Thy M Linh	6.16	TB khá	80					6.0	6.3	5.3	7.1	5.8	8.2	7.0	6.6	5.6	6.0	5.0	7.4	4.8	6.0
16	3552010032	Nguy n Th Linh	6.08	TB khá	73					6.6	5.5	5.4	7.1	6.2	6.1	6.0	7.0	6.1	6.5	6.5	6.2	5.4	6.0
17	3552010141	Ph m Th H ng Linh	5.44	TB	85					5.3	6.3	4.8	6.8	4.7	5.6	5.4	5.9	5.8	3.3	5.6	5.9	5.4	8.0
18	3552010006	Phan Th Th½y Linh	6.16	TB khá	73					6.4	5.1	5.3	7.8	6.1	7.4	6.4	5.3	7.0	6.4	6.9	6.7	5.4	7.0
19	3552010135	Tr n Khi t Linh	5.87	TB	68					6.0	6.3	5.4	7.0	5.2	6.0	6.4	7.1	6.4	4.9	5.1	7.2	4.2	6.0
20	3451010037	Tr n VÑ Lu n	0.00	Kém	40					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
21	3552010069	Huunh Th M	6.56	TB khá	93					5.7	7.3	6.3	8.4	5.2	6.3	6.8	7.0	6.4	6.4	7.6	5.6	4.8	8.0
22	3552010038	Huunh Th H ng Nhi	5.75	TB	73					6.6	5.7	3.5	7.6	5.4	5.2	7.0	7.1	5.6	5.9	5.6	6.7	5.4	7.0
23	3552010127	L² Th Ki u Oanh	0.00	Kém	40					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
24	3552010168	L² Th Ph ng Oanh	5.73	TB	73					6.0	6.6	4.5	7.6	5.4	6.7	3.0	7.7	6.8	4.5	5.4	6.8	5.4	5.0
25	3552010014	Lai Y n Ph ng	6.07	TB khá	55					7.1	5.6	5.0	7.3	5.1	5.3	7.0	6.6	6.2	6.5	7.0	6.8	5.4	6.0
26	3552010030	Huunh Th ã Quyên	6.01	TB khá	70					6.7	5.7	5.3	6.4	6.3	6.6	7.0	8.1	7.2	4.4	6.1	7.0	5.1	6.0
27	3552010200	Tr n Anh Ty	6.88	TB khá	88					6.7	6.4	5.8	7.1	6.9	9.1	8.4	7.4	7.1	6.7	7.2	6.6	5.4	9.0
28	3552010051	Tr n Th Tha	0.00	Kém	40					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
29	3552010192	Tr n ã ng Y n Thanh	6.24	TB khá	73					6.3	6.6	4.6	7.0	5.8	7.3	6.4	8.6	5.9	5.8	6.6	7.4	5.4	6.0
30	3552010189	ñ ng Th Th m	6.71	TB khá	78					6.7	6.0	6.2	8.3	6.1	7.3	8.2	7.7	7.2	6.0	8.6	7.3	5.4	6.0
31	3552010123	Huunh Th Ki u Thu	6.19	TB khá	70					6.7	6.3	5.1	7.3	5.9	6.3	7.0	6.0	5.9	6.4	5.6	7.7	4.8	7.0
32	3552010169	Tr n Ng c Thu	6.15	TB khá	70					6.0	5.6	5.5	7.4	6.1	6.7	6.6	7.7	6.0	5.8	5.4	7.2	6.0	6.0
33	3552010173	Nguy n Th Kim Thùy	5.94	TB	68					5.6	6.6	4.9	7.4	5.1	5.9	7.0	6.9	6.3	6.0	5.2	6.6	5.1	5.0

STT	Mí S	H Vị TếN	hĩ M TB C	XLHT	hĩ M R C N LUY N	S MBN < 5	K LU T	Xa T THEO QUY CH	Qũ C AH I ã NG	Th c hành k to "n c b n									
										4	9	10	4	3	4	3	4	3	4
34	3552010005	Nguy n Th Kim Th y	0.00	Kém	40					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
35	3552010139	Nguy n Th Di m Trang	0.00	Kém	40					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
36	3552010203	Nguy n Th Thum Trang	5.92	TB	73					6.0	6.0	4.6	8.1	5.9	6.4	6.6	6.9	5.1	7.1
37	3552010146	Nguy n Th Thçy Trang	5.75	TB	73					5.6	6.4	4.8	6.2	5.2	6.7	5.8	5.4	6.6	5.1
38	3552010111	Tr n Th B´ch Trâm	5.92	TB	75					6.0	5.6	5.0	7.7	6.0	4.4	8.0	7.4	6.3	5.2
39	3552010118	Nguy n Hoçng V n	6.43	TB khá	73					6.4	6.8	5.6	6.7	5.7	7.2	5.6	7.1	6.2	6.0
40	3552010066	Tr n Ki t Vy	6.18	TB khá	68					6.4	5.6	5.2	6.7	6.1	5.1	6.6	6.3	5.4	7.3
41	3552010084	Nguy n Th Xuân	5.85	TB	73					6.6	5.6	4.5	7.1	6.0	5.8	5.8	6.9	6.6	5.3
42	3552010115	hĩ Th Y n	6.35	TB khá	90					5.3	5.8	5.1	7.0	6.9	7.2	8.8	8.3	7.2	5.0
43	3552010291	Nguy n Ng c Y n	2.27	Kém	50					5.7	0.0	0.0	7.2	4.6	0.0	5.0	4.3	4.2	1.6

X p lo i	SL	T l
----------	----	-----

TP.HCM, ngçy 26 th`ng 9 nÑm 2013

TR NG KHOA

TP.hĩ OT O

HI U TR NG